

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 171/2009/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2009

THÔNG TƯ

về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi và cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ hành nghề kế toán ban hành kèm theo Quyết định số 94/2007/QĐ-BTC ngày 16/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2004 của Chính phủ về Kiểm toán độc lập;

Căn cứ Nghị định số 30/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2004 của Chính phủ về Kiểm toán độc lập;

Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi và cấp Chứng chỉ kiểm toán viên và Chứng chỉ hành nghề kế toán ban hành kèm theo Quyết định số 94/2007/QĐ-BTC ngày 16/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi và cấp Chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ hành nghề kế toán ban hành kèm theo Quyết định số 94/2007/QĐ-BTC ngày 16/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, như sau:

1. Điểm b, khoản 1 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành Tài chính, Kế toán, Kiểm toán”;

2. Điểm c khoản 1 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán từ 5 năm trở lên tính từ năm ghi trên bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học đến năm đăng ký dự thi”;

3. Điểm b khoản 2 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tài chính, Kế toán, Kiểm toán; hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành Kinh tế, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh có tổng số đơn vị học trình (hoặc tiết học) các môn học: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Phân tích tài chính, Thuế từ 10% tổng số học trình (hoặc tiết học) cả khóa học trở lên”;

4. Điểm c khoản 2 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán từ 5 năm trở lên tính từ năm ghi trên bằng tốt nghiệp đại học đến năm đăng ký dự thi; hoặc thời gian thực tế làm trợ lý kiểm toán ở doanh nghiệp kiểm toán từ 4 năm trở lên tính từ năm ghi trên bằng tốt nghiệp đại học đến năm đăng ký dự thi”;

5. Tiết c điểm 1.1 khoản 1 Điều 3 sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Các bản sao văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại điểm b, d, khoản 1 và điểm b, d khoản 2 Điều 2 của Quy chế này, có xác nhận của tổ chức cấp hoặc cơ quan công chứng. Nếu là bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành Kinh tế, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh thì phải nộp kèm theo bảng điểm có ghi rõ số đơn vị học trình (hoặc tiết học) của tất cả các môn học. Trường hợp người dự thi để lấy Chứng chỉ hành nghề kế toán

nộp bằng sau đại học thì phải nộp kèm theo bảng điểm cao học có ghi rõ ngành học. Bảng điểm phải có xác nhận của tổ chức cấp hoặc cơ quan công chứng”.

6. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5: Thẻ thức thi

Mỗi chuyên đề thi trong các chuyên đề thi (1), (2), (3), (4) quy định tại khoản 1 Điều 4 và các chuyên đề thi (1), (2), (3), (4), (5), (6) quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy chế này, người dự thi phải làm một bài thi viết trong thời gian 180 phút. Chuyên đề Tin học thực hành, người dự thi phải làm một bài thực hành trên máy tính trong thời gian khoảng 30 phút; chuyên đề Ngoại ngữ, người dự thi phải làm một bài thi viết trong thời gian 90 phút và trả lời vấn đáp trong thời gian khoảng 30 phút”.

7. Khoản 3 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Trong thời hạn chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc thi, Hội đồng thi phải công bố kết quả thi và thông báo cho người dự thi. Trường hợp đặc biệt cần kéo dài thời gian công bố, Chủ tịch Hội đồng thi quyết định nhưng thời gian kéo dài không quá 15 ngày”.

8. Khoản 1 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Chuyên đề thi đạt yêu cầu: Là những chuyên đề đạt từ điểm 5 trở lên chấm theo thang điểm 10. Điểm thi chuyên đề Ngoại ngữ được tính theo thang điểm 10. Phần thi viết điểm tối đa là 7 (bảy), phần thi vấn đáp điểm tối đa là 3 (ba). Điểm thi chuyên đề Ngoại ngữ được tính bằng điểm thi viết cộng điểm thi vấn đáp. Trường hợp chấm thi theo thang điểm 100 thì Hội đồng thi sẽ quy đổi về thang điểm 10. Việc làm tròn điểm áp dụng theo quy định hiện hành”.

9. Khoản 3 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Thi nâng điểm: Người dự thi đã đạt yêu cầu cả 4 chuyên đề thi (1), (2), (3), (4) quy định tại khoản 1 Điều 4 hoặc đạt yêu cầu cả 6 chuyên đề thi (1), (2), (3), (4), (5), (6) quy định tại khoản 2 Điều 4 hoặc đạt yêu cầu cả 02 chuyên đề thi (1), (2) quy định tại khoản 3 Điều 4 nhưng tổng số điểm thi không đủ số điểm quy định tại khoản 4 Điều này thì được lựa chọn các chuyên đề chưa thi đủ 3 lần để đăng ký thi nâng điểm. Trường hợp thi nâng điểm thì kết quả thi lấy theo điểm thi cao nhất của các lần thi”.

10. Khoản 1 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Thành phần Hội đồng thi bao gồm: Chủ tịch Hội đồng thi là Thứ trưởng Bộ Tài chính hoặc lãnh đạo cấp Vụ trưởng

được Bộ trưởng Bộ Tài chính ủy quyền; 01 Phó Chủ tịch thường trực là lãnh đạo Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán; 01 Phó Chủ tịch là lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ; Ủy viên thư ký và các Ủy viên Hội đồng thi là đại diện của Hội nghề nghiệp và một số đơn vị thuộc Bộ Tài chính. Thành phần Hội đồng thi tối đa không quá 9 người; Hội đồng thi được thành lập cho từng kỳ thi. Hội đồng kỳ thi sau phải thay đổi ít nhất 1/3 số thành viên Hội đồng kỳ thi trước. Một cá nhân không được tham gia là thành viên Hội đồng quá 3 kỳ thi liên tục trừ trường hợp Chủ tịch Hội đồng thi là Lãnh đạo Bộ Tài chính”.

11. Khoản 1 Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Những người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên của các tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận, muốn được cấp “Chứng chỉ kiểm toán viên” hoặc “Chứng chỉ hành nghề kế toán” của Việt Nam thì phải dự thi sát hạch kiến thức về luật pháp Việt Nam. Người dự thi sát hạch phải là người đang được phép hành nghề của nước sở tại.

Trường hợp tổ chức cấp chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên là cơ quan nhà nước

có thẩm quyền (không phải là tổ chức nghề nghiệp) cho phép hành nghề tại nước sở tại thì người dự thi phải là hội viên chính thức của tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán và tổ chức nghề nghiệp đó phải là thành viên của Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC). Nội dung học và thi để lấy chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên phải tương đương hoặc cao hơn nội dung học và thi theo quy định tại Điều 4 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 94/2007/QĐ-BTC ngày 16/11/2007”.

12. Khoản 1 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- a) Phiếu đăng ký dự thi;
- b) Bản sao và bản dịch ra tiếng Việt có công chứng: Chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài;

- c) Giấy xác nhận của Hội nghề nghiệp của nước sở tại là đang được phép hành nghề ở nước sở tại; Trường hợp chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên của người dự thi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (không phải là tổ chức nghề nghiệp) cấp thì trong hồ sơ dự thi phải có giấy xác nhận của tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán xác

nhận người dự thi là hội viên chính thức của tổ chức nghề nghiệp và đang được phép hành nghề ở nước sở tại;

- d) 03 ảnh màu cỡ 4 x 6 chụp trong vòng 6 tháng, hai phong bì có dán tem và ghi rõ họ, tên, địa chỉ người nhận;

- đ) Bản sao Hộ chiếu do nước sở tại cấp có xác nhận của đơn vị quản lý lao động;

- e) Tài liệu chứng minh tổ chức nghề nghiệp đã cấp Chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên là thành viên của Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC);

- g) Tài liệu trình bày về nội dung học và thi để lấy Chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên của tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp chứng chỉ”.

13. Khoản 2 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đối với thi sát hạch để cấp Chứng chỉ kiểm toán viên, bài thi đạt yêu cầu là bài thi đạt từ 70 điểm trở lên hoặc từ 42 điểm trở lên đối với người được miễn thi phần (1), (3). Đối với thi sát hạch để cấp Chứng chỉ hành nghề kế toán, bài thi đạt yêu cầu là bài thi đạt từ 56 điểm trở lên. Kết quả thi được thông báo cho từng người dự thi”.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành. Các quy định khác tại Quyết định số 94/2007/QĐ-BTC ngày 16/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế thi và cấp Chứng chỉ kiểm toán viên và Chứng chỉ hành nghề kế toán không được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà